

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN THỐT NỐT  
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/DS-ST

Ngày: 29- 8 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Kiệt**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Tăng Tài Thủ**

2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Nhàn** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Kim Xa** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2022/TLST- DS ngày 23 tháng 3 năm 2022, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 695/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 789/TB-TA ngày 18 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lưu Thị Bé T** – sinh năm 1978. Vắng mặt

Cư trú: Số 171- đường T, thành phố R, tỉnh K.

Đại diện theo ủy quyền của bà Thảo: Ông **Trần Văn Đ** - sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 79 – đường H, phường 5, thành phố V, tỉnh H. Theo Giấy ủy quyền được chứng thực Số 179, quyền số 01 – SCT/CK,ĐC tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Hữu T** – sinh năm 1975. Có mặt

Cư trú: Khu vực P, P. T, Q. Thốt Nốt, Tp. Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Công ty Cổ phần vận tải H**

Đại diện theo pháp luật là bà **Nguyễn Mỹ H** – sinh năm 1972 – Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Địa chỉ trụ sở: Ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- Ông **Lê Duy H**

Địa chỉ: Số 9.20, Chung cư T, khu phố 5, phường Đ, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là ông Trần Văn Đ trình bày:*

Bà Lưu Thị Bé T có thỏa thuận mua của ông Phạm Hữu Trí một chiếc xe ô tô HYUNDAI i10 (đời 2010), số loại: 110, số khung: MALAN51CBAM583537, số máy: G4LAAM353365, màu đỏ, biển số: 51A-364.01; giá mua bán là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Bà T và ông T có lập “Tờ mua bán xe ô tô viết tay” ngày 06/3/2020. Theo đó, bà T đã giao đủ tiền cho ông T, nhận xe và các giấy tờ liên quan.

Ngày 31/3/2020, bà T đã nộp toàn bộ các giấy tờ có liên quan đến chiếc xe ô tô biển số 51A-364.01 tại Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Hậu Giang để làm thủ tục sang tên. Tuy nhiên, trong quá trình làm thủ tục qua kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế xe, Đội đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ - thuộc Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hậu Giang có nghi vấn về số máy nên đã yêu cầu giám định lại số máy xe ô tô biển số 51A-364.01 theo Quyết định trưng cầu giám định số: 18/TCGD.PC08 ngày 27/4/2020.

Đến ngày 11/5/2020, theo kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hậu Giang kết luận: số máy: G4LAAM353365 là chữ số được đóng lại (không xác định được chữ số nguyên thủy). Phòng PC08 đã chuyển hồ sơ sang phòng PC02 - Công an tỉnh Hậu Giang để điều tra xác minh làm rõ.

Theo kết quả xác minh của Phòng PC02 - Công an tỉnh Hậu Giang thì đây là xe đã bị đóng lại số máy, qua kết quả xác minh không đủ căn cứ xác định ai là người đã thực hiện việc đóng lại số máy G4LAAM353365 của xe ô tô này. Và căn cứ khoản 1 Điều 18 Thông tư 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì trường hợp xe ô tô biển số 51A-364.01 không được giải quyết đăng ký.

Bà T đã thông báo cho ông T biết sự việc và đề nghị trả xe, trả tiền lại nhưng ông T không thực hiện.

Do đó, bà T kiện yêu cầu buộc ông Phạm Hữu T hoàn trả lại số tiền 200.000.000 đồng đã nhận; và đồng thời bồi thường thiệt hại phát sinh do không thực hiện được hợp đồng mua bán xe, tạm tính từ ngày 06/3/2020 đến thời điểm làm đơn kiện bổ sung ngày 17/5/2022, làm tròn là 26 tháng với mức lãi suất 0,8%/ tháng, tính ra số tiền phải bồi thường là 41.600.000 đồng. Bà T đồng ý giao trả lại chiếc xe ô tô Hyundai biển số 51A-364.01 cho ông T.

*- Quá trình giải quyết, bị đơn là ông Phạm Hữu T trình bày:*

Ông T có thỏa thuận bán 01 chiếc xe ô tô hiệu HYUNDAI i10 (đời 2010), biển số 51A- 364.01, loại 5 chỗ ngồi, với giá là 200.000.000 đồng, có lập “Tờ mua bán xe ô tô viết tay” ngày 06/3/2020 như bà T trình bày trên đây. Ông T đã nhận đủ số tiền 200.000.000 đồng và giao xe cho bà T.

Khi thỏa thuận mua bán xe, bà T cũng đồng ý cho bên bán làm thủ tục sang tên chủ sở hữu xe cho bên Công ty Cổ phần Vận tải H có đại diện là bà Nguyễn Mỹ H (giám đốc) đứng tên. Cho nên giữa chủ sở hữu đứng tên giấy đăng ký xe ô tô là ông Lê Duy H và Công ty Cổ phần Vận tải H có ký hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 09/3/2020, để sau đó Công ty tiến hành các thủ tục đăng ký sở hữu theo quy định.

Tuy nhiên, do trục trặc trong quá trình đăng ký sang tên quyền sở hữu xe, nên đến nay vẫn chưa tiến hành sang tên được. Chiếc xe này hiện do bên mua quản lý đến nay.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T có ý kiến: Ông T có liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông tỉnh Hậu Giang và họ trả lời là phải mang xe đến để xem xét giải quyết. Vì vậy, ông T đề nghị phía bà T liên hệ Cơ quan thẩm quyền đăng ký quyền sở hữu chiếc xe nói trên theo quy định, nếu cơ quan chức năng trả lời không đăng ký quyền sở hữu xe được thì ông T sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả đủ số tiền 200.000.000 đồng cho bà T. Còn nếu phía Công ty Cổ phần Vận tải H chịu ký bán lại xe và xuất hóa đơn đỏ thì ông T đồng ý mua xe lại với giá thỏa thuận.

- Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến như trên. Phía nguyên đơn tự nguyện chia sẻ rủi ro với bị đơn nên chỉ yêu cầu bị đơn bồi thường ½ thiệt hại bằng với số tiền là 20.800.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do có cơ sở.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn (bên mua) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn (bên bán) có trách nhiệm trả lại số tiền nguyên đơn đã thanh toán, và đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại từ hợp đồng mua bán xe ô tô nhưng sau đó không đăng ký sang tên quyền sở hữu được; nguyên đơn sẽ trả lại chiếc xe cho bị đơn. Đây là quan hệ về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền. Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập

hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu trả lại số tiền đã thanh toán theo hợp đồng:

Theo các tài liệu chứng cứ và trình bày của các đương sự, giữa ông Phạm Hữu T và bà Lưu Thị Bé T có ký kết hợp đồng mua bán xe vào ngày 06/3/2020. Hình thức hợp đồng là “Tờ mua bán xe viết tay”, không có công chứng hoặc chứng thực. Theo đó, ông T bán cho bà T 01 chiếc xe ô tô HYUNDAI i10 (đời 2010), số loại: 110, số khung: MALAN51CBAM583537, số máy: G4LAAM353365, màu đỏ, biển số: 51A-364.01; giá mua bán là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Ông T đã nhận đủ tiền và giao xe cùng giấy tờ xe liên quan cho bà T tiến hành làm thủ tục đăng ký sang tên quyền sở hữu.

Thấy rằng, các bên mua bán lập “Tờ mua bán xe viết tay” là không tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng mua bán xe ô tô, bởi theo quy định phải có công chứng hoặc chứng thực. Tuy nhiên, khi thỏa thuận mua bán xe, bà T cũng đồng ý cho bên bán làm thủ tục sang tên chủ sở hữu xe cho bên Công ty Cổ phần Vận tải H có đại diện là bà Nguyễn Mỹ H (giám đốc) đứng tên. Cho nên, giữa chủ sở hữu đứng tên giấy đăng ký xe ô tô là ông Lê Duy H và Công ty Cổ phần Vận tải H có ký Hợp đồng mua bán xe ô tô, được công chứng ngày 09/3/2020 tại Văn phòng công chứng Trần Thị M, để sau đó Công ty tiến hành các thủ tục đăng ký sở hữu theo quy định.

Tuy nhiên, trong quá trình kiểm tra thực tế xe Đội đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc Phòng CSGT Công an tỉnh Hậu Giang có nghi vấn về số máy nên đã yêu cầu giám định lại số máy xe. Đến ngày 11/5/2020, theo kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hậu Giang kết luận: số máy: G4LAAM353365 là chữ số được đóng lại (không xác định được chữ số nguyên thủy). Theo kết quả xác minh của Phòng PC02 Công an tỉnh Hậu Giang thì đây là xe đã bị đóng lại số máy, qua kết quả xác minh không đủ căn cứ xác định ai là người đã thực hiện việc đóng lại số máy G4LAAM353365 của xe ô tô này và căn cứ khoản 1 Điều 18 Thông tư 58/2020/TT-BCA ngày 16/6/2020 của Bộ Công an quy định quy trình cấp, thu hồi đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thì trường hợp xe ô tô biển số 51A-364.01 không được giải quyết đăng ký.

Quá trình tòa án giải quyết, ông T không có đơn yêu cầu giám định lại số máy xe, nhưng có gửi tường trình, khiếu nại quá trình giải quyết đăng ký xe và đã được Phòng Cảnh sát giao thông – Công an tỉnh Hậu Giang trả lời bằng Văn bản số 90/PC08 ngày 20 tháng 6 năm 2022. Tại phiên tòa, ông T yêu cầu giám định lại số máy xe nhưng ông không đưa ra được căn cứ nào có cơ sở, nên không được chấp nhận.

Như vậy, mục đích mua bán xe ô tô giữa bà T và ông T đã không thực hiện được do bên mua không thể đăng ký sang tên quyền sở hữu, nên bà T được quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và yêu cầu ông T trả lại số tiền mà bà

T đã thanh toán 200.000.000 đồng, bà T đồng ý giao trả lại xe cho ông T, là có cơ sở theo quy định tại Điều 428 của Bộ luật Dân sự.

**[3.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:**

Trong trường hợp này, bà T và ông T đã bị nhầm lẫn về đối tượng hợp đồng do nghĩ rằng sẽ đăng ký sang tên quyền sở hữu chiếc xe được. Bà T đã giao trả đủ tiền mua xe cho ông T, nhưng trên thực tế bà T vẫn chưa được khai thác sử dụng xe, nên thiệt hại về tính sinh lợi của đồng tiền đối với bà T là hoàn toàn có cơ sở. Trường hợp này, chiếc xe cũng có thể bị giảm sút giá trị sử dụng theo thời gian, nhưng do bên mua chưa được sang tên quyền sở hữu nên về mặt pháp lý bên bán phải gánh chịu rủi ro theo khoản 2 Điều 441 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, phía bà T tự nguyện chia sẻ rủi ro nên chỉ yêu cầu ông T bồi thường  $\frac{1}{2}$  giá trị thiệt hại, cũng cho thấy sự hài hòa phù hợp.

Từ những phân tích, đánh giá trên đây, thấy rằng nguyên đơn kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền 200.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại với số tiền 20.800.000 đồng, là có cơ sở chấp nhận.

**[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án theo quy định, tương ứng là:  $220.800.000đ \times 05\% = 11.040.000$  đồng.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 6.040.000 đồng.

**[5] Ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có cơ sở như đã phân tích.**

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Các Điều: 5; 6; 26; 35; 39; 147; 227; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 428; 430; 441; 357; 468 của Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Tuyên xử:**

1. Ông Phạm Hữu T có trách nhiệm trả lại bà Lưu Thị Bé T số tiền đã thanh toán từ hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô HYUNDAI i10 (đời 2010), màu đỏ, biển số: 51A-364.01 là 200.000.000 đồng, và ông T còn phải bồi thường thiệt hại cho bà T với số tiền là 20.800.000 đồng; tổng cộng là **220.800.000 đồng** (hai trăm hai mươi triệu, tám trăm ngàn đồng).

Thời gian và phương thức thanh toán do Chi cục Thi hành án dân sự giải quyết theo thẩm quyền trong quá trình thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành thì còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Lưu Thị Bé T và Công ty Cổ phần Vận tải H có trách nhiệm giao trả lại ông Phạm Hữu T 01 chiếc xe ô tô HYUNDAI i10 (đời 2010), màu đỏ, biển số: 51A-364.01.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Phạm Hữu T phải chịu án là 11.040.000 đồng (*mười một triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Bà Lưu Thị Bé T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.040.000 đồng (*sáu triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004297 ngày 18/3/2022 và số 0004457 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*Nơi nhận:*

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Thốt Nốt;
- Chi cục THADS Q.Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Văn Kiệt**